

Số: **2863/QĐ-UBND**

Bình Định, ngày **04** tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do GPMB xây dựng
tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A
(đoạn đi qua Khu B và C, Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông
Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn - đợt 3)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2267/TTr-STNMT ngày 30/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do GPMB xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A (đoạn đi qua Khu B và C, Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn - đợt 3) tại các phụ lục kèm theo Quyết định này.

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 7.243.825.000 đồng (*Bảy tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng*), trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ: 7.018.289.000 đồng;
- Thuởng giao trả mặt bằng sớm (nếu có): 83.500.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 142.036.000 đồng.

Nguồn vốn chi trả: Vốn dự án tuyến đường Quốc lộ 19.

2. Về tái định cư: Giao 57 lô đất tái định cư cho 41 hộ gia đình tại Khu dân cư Đảo 1B – Bắc sông Hà Thanh, tổng số tiền sử dụng đất các hộ phải nộp là 3.123.724.000 đồng.

Điều 2. Giao Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý GPMB và Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Tổ chức và các hộ dân có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *hu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, K7 *hu*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

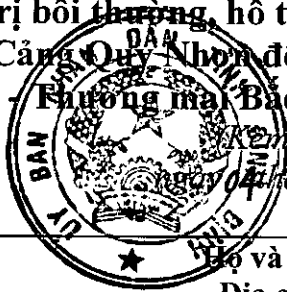


hu

Ho Quốc Dũng

PHỤ LỤC 01

Giá trị bồi thường, hỗ trợ do GPMB xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19
đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A (đoạn đi qua Khu B và C, Khu
Đô thị - Phường Mai Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn - đợt 3)



Kèm theo Quyết định số **2863/QĐ-UBND**
ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh

DVT: Đồng

TT	Họ và tên Địa chỉ	Giá trị BT, HT	Thưởng đẩy nhanh tiến độ GPMB (nếu có)
1	Trịnh Công Phú Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	121.447.000	2.000.000
2	Trần Văn Tin + Trần Tấn Trung KV9, P. Nhơn Bình	99.837.000	2.000.000
3	Trần Thanh Hà, vợ Phan Thị Cúc Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	218.344.000	2.000.000
4	Nguyễn Thị Ngọt Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	257.305.000	2.000.000
5	Võ Ngọc Đạt Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	270.788.000	2.000.000
6	Võ Ngọc Thanh vợ Mai Thị Nhượng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	263.118.000	2.000.000
7	Nguyễn Minh Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	210.971.000	2.000.000
8	Phan Thanh Giảng vợ Nguyễn Thị Thanh Hiền Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	166.280.000	2.000.000
9	Võ Đình Hữu Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	301.158.000	2.000.000
10	Phạm Thị Hồng Tú Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	484.014.000	2.000.000
11	Phạm Thị Trung Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	299.480.000	2.000.000
12	Nguyễn Ngọc Liêm Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	104.651.000	2.000.000
13	Nguyễn Quang Tân Tổ 58, KV7, P. Nhơn Bình	271.354.000	2.000.000
14	Đặng Văn Lợi Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	189.809.000	2.000.000
15	Ngô Ngọc Đức, vợ Đặng Thị Mỹ Oanh Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	50.117.000	2.000.000

Đu *San* 2

16	Đặng Quốc Quân Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	62.902.000	2.000.000
17	Võ Ngọc Quang Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	134.871.000	2.000.000
18	Võ Thị Hồng Loan Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	78.899.000	2.000.000
19	Võ Thị Hồng Tri Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	10.377.000	500.000
20	Nguyễn Đầu Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	106.042.000	2.000.000
21	Trương Thị Phùng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	298.691.000	2.000.000
22	Nguyễn Thị Giờ Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	422.717.000	2.000.000
23	Lê Văn Mười Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	9.719.000	0
24	Hồ Thị Thành Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	6.437.000	0
25	Nguyễn Xuân Linh Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	47.413.000	2.000.000
26	Nguyễn Hạnh Phúc Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	143.602.000	2.000.000
27	Trần Thị Men Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	53.033.000	2.000.000
28	Dương Như Hiến Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	24.737.000	2.000.000
29	Nguyễn Thị Hạnh Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	4.203.000	500.000
30	Nguyễn Hữu Trung Tổ 31, Khu vực 4, P. Nhơn Bình	212.969.000	2.000.000
31	Nguyễn Thị Quen Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	225.077.000	2.000.000
32	Nguyễn Thành Long Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	227.725.000	2.000.000
33	Trần Thị Trung Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	31.173.000	2.000.000
34	Dương Thị Dần, chồng Võ Sỹ Tiến Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	84.239.000	2.000.000

Đức *Am*

35	Võ Anh Tây <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	38.544.000	2.000.000
36	Dương Văn Đức <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	54.813.000	2.000.000
37	Trần Văn Chánh + Nguyễn Ngọc Thọ <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	42.178.000	500.000
38	Trần Hoàng Ngọc <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	196.766.000	2.000.000
39	Trần Hoàng Hải <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	84.906.000	2.000.000
40	Trần Hoàng Thanh <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	137.882.000	2.000.000
41	Trần Hữu Phước <i>Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình</i>	183.069.000	2.000.000
42	Trần Thanh Hải <i>Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình</i>	103.650.000	2.000.000
43	Trần Văn Chánh + Trần Ngọc Lệnh + Nguyễn Anh Kiệt (đại diện Tộc họ Trần) <i>Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình</i>	254.681.000	2.000.000
44	Nguyễn Thị Hồng Thủy, chồng Trần Văn Chánh <i>Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình</i>	170.631.000	2.000.000
45	Trần Thị Kiều Vi, chồng Nguyễn Văn Sáo <i>Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình</i>	97.189.000	2.000.000
46	Trần Xuân Trọng, vợ Trần Thị Tuyết Lai <i>Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình</i>	152.707.000	2.000.000
47	Trần Hữu Việt + Nguyễn Thị Giờ <i>Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình</i>	7.774.000	0
	Tổng cộng	7.018.289.000	83.500.000

Duk *Anh*

PHỤ LỤC 02

Giao đất TĐC cho các hộ dân do GPMB xây dựng tuyến đường Quốc lộ 19 đoạn từ Cảng Quy Nhơn đến giao Quốc lộ 1A (đoạn đi qua Khu B và C, Khu Đô thị - Thương mại Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn - đợt 3)
(Thực hiện theo Quyết định số **2863** /QĐ-UBND ngày **04** tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh)

S T T	Họ và tên Địa chỉ		Lô đất TĐC được giao tại Đảo 1B				Giá trị phải nộp theo đơn giá bồi thường				Giá trị phải nộp theo đơn giá đất ở tại khu TĐC				Giá trị tiền sử dụng đất phải nộp (đồng)
			Lô - Khu	Đường số	Lộ giới (m)	Diện tích (m²)	DT theo đơn giá bồi thường (m²)	ĐG bồi thường (đồng/m²)	Hệ số giá đất	Thành tiền (đồng)	DT theo đơn giá TĐC (m²)	Đơn giá TĐC (đồng/m²)	Hệ số giá đất	Thành tiền (đồng)	
(a)	(b)	(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (7) x (8) x (9)	(11)	(12)	(13)	(14) = (11) x (12) x (13)	(15) = (10) + (14)
A CÁC TRƯỜNG HỢP THÔNG QUA HỘI ĐỒNG BT, HT VÀ TĐC CẤP TỈNH NGÀY 25/6/2013															
1	Trịnh Công Phú vợ Phạm Thị Hiếu Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	96.5	14 - Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000					24.000.000
	Trịnh Thị Thu chồng Nguyễn Quốc Định Tổ 30, KV4, Nhơn Bình		68-Đ5	11	12,0	72,0					72.00	1.500.000	0.8	86.400.000	86.400.000
2	Trần Văn Tín + Trần Tấn Trung KV9, P. Nhơn Bình	95.3	12 - Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000					24.000.000
3	Trần Thanh Hà, vợ Phan Thị Cúc Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	104.6	11 - Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000					24.000.000
4	Nguyễn Thị Ngọt Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	140.0	42 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
5	Võ Ngọc Đạt vợ Huỳnh Thị Bảy Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	140.0	12 - Đ9	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Võ Ngọc Lương vợ Nguyễn Thị Hồng Hạnh Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		14-Đ9	19B	13,0	80,0					80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
	Võ Ngọc Trí vợ Lê Thị Thơm Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		13-Đ9	19B	13,0	80,0					80.00	1.650.000	1.0	132.000.000	132.000.000
6	Võ Ngọc Thanh vợ Mai Thị Nhượng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140.0	43 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000

7	Nguyễn Minh vợ Ngô Thị Đông Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	140.0	44 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Nguyễn Tấn Tài vợ Nguyễn Thị Dung Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		7-Đ8	17B	13,0	80,0					80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
8	Phan Thanh Giảng vợ Nguyễn Thị Thanh Hiền Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	140.0	41 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
9	Võ Đình Hữu vợ Trần Thị Phụng Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	140.0	40 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Võ Tùng Chin, vợ Lê Thị Ngọc Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		38-Đ8	19B	13,0	80.00					80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
	Võ Sỹ Hùng vợ Thái Thị Thanh Phụng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		39-Đ9	19B	13,0	80.00					80.00	1.650.000	1.0	132.000.000	132.000.000
	Võ Sỹ Lành, vợ Nguyễn Thị Bích Ly Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		66-Đ5	11	12,0	72.00					72.00	1.500.000	1.0	108.000.000	108.000.000
10	Phạm Thị Hồng Tú + Trần Văn Niên + Trần Thị Mỹ Ái Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình	140.0	37 - Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Phạm Thị Hồng Tú + Trần Văn Niên + Trần Thị Mỹ Ái Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		36-Đ8	19B	13,0	80,0					80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
I	cộng	1.276.40				1.424.00	800.00			212.000.000	624.00			880.800.000	1.092.800.000
B	CÁC TRƯỜNG HỢP THÔNG QUA HỘI ĐỒNG BT, HT VÀ TĐC CẤP TỈNH NGÀY 10/7/2013														
1	Phạm Thị Trung + Lê Thị Thắng + Lê Văn Chương, Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140.00	17 - Đ8	17B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Phạm Thị Trung + Lê Thị Thắng + Lê Văn Chương Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		18-Đ8	17B	13,0	80,0				0	80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
2	Nguyễn Ngọc Liêm, vợ Võ Thị Hồng Tuyết Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	74.30	58 - Đ5	11	14.0	72.00	72.00	250.000	1	18.000.000				0	18.000.000
	Nguyễn Ngọc Khiêm, vợ Nguyễn Thị Hà Tổ 31, KV 4, P. Nhơn Bình		69-Đ5	11	14,0	72,0				0	72.00	1.500.000	0.8	86.400.000	86.400.000

Dư

Am 2

3	Nguyễn Quang Tân, vợ Nguyễn Thị Dư Tổ 58, KV7, P. Nhơn Bình	140.00	16 - Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000				0	24.000.000
4	Đặng Văn Lợi, vợ Dương Thị Mười Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	111,48	10-Đ6	2	19,5	80,0	79.90	300.000	1	23.970.000				0	23.970.000
5	Ngô Ngọc Đức, vợ Đặng Thị Mỹ Oanh Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	37.76	2 - Đ6	2	19.5	64.45	37.76	300.000	1	11.328.000	26.69	2.350.000	1.0	62.721.500	74.049.500
6	Đặng Quốc Quân, vợ Lê Thị Nguyệt Mỹ Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	53.76	3 - Đ6	2	19.5	67.90	53.76	300.000	1	16.128.000	14.14	2.350.000	1.0	33.229.000	49.357.000
7	Võ Ngọc Quang, vợ Diệp Thị Dung Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140,00	59-Đ5	11	14,0	72,0	72.00	250.000	1	18.000.000				0	18.000.000
8	Võ Thị Hồng Loan Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	50,87	34-Đ8	19B	13,0	80,0	50.87	250.000	1	12.717.500	29.13	1.650.000	1.0	48.064.500	60.782.000
9	Võ Thị Hồng Tri Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	33.80	35 - Đ8	19B	13.0	80.00	33.80	250.000	1	8.450.000	46.20	1.650.000	1.0	76.230.000	84.680.000
10	Nguyễn Đầu, vợ Lê Thị Cửu Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	87.60	13 - Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000	0.00			0	24.000.000
	Nguyễn Tấn Diện, vợ Nguyễn Thị Kim Thoa Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình		11-Đ9	19B	13,0	80,0				0	80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
11	Trương Thị Phùng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140,00	19-Đ8	17B	13,0	80,0	80.00	250.000	1	20.000.000	0.00			0	20.000.000
12	Nguyễn Thị Giờ Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140.00	8 - Đ9	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000	0.00			0	20.000.000
	Võ Thị Tổ, chồng Nguyễn Ngọc Tiến Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		9-Đ9	19B	13.0	80.00				0	80.00	1.650.000	0.8	105.600.000	105.600.000
II	cộng	1.149.57				1.228.25	800.09			216.593.500	428.16			623.445.000.0	840.038.500.0
C	CÁC TRƯỜNG HỢP THÔNG QUA HỘI ĐỒNG BT, HT VÀ TĐC CẤP TỈNH NGÀY 15/8/2013														
1	Nguyễn Xuân Linh, vợ Nguyễn Thị Mỹ Trinh Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	58.50	62 - Đ5	11	14.0	72.00	58.50	250.000	1	14.625.000	13.50	1.700.000	1.0	22.950.000	37.575.000
2	Nguyễn Hạnh Phúc, vợ Trần Thị Nghi Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	131,70	61 - Đ5	11	14.0	72.00	72.00	250.000	1	18.000.000					18.000.000

Bu

Au 3

3	Nguyễn Thị Men Tổ 33, KV4, P. Nhơn Bình	30.00	60 - Đ5	11	14.0	72.00	30.00	250.000	1	7.500.000	42.00	1.700.000	1.0	71.400.000	78.900.000
4	Nguyễn Hữu Trung, vợ Phạm Thị Hồng Tổ 31, Vc 4, P. Nhơn Bình	140,00	11 - Đ8	17B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
5	Nguyễn Thị Quen Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình	127.55	8 - Đ8	17B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
6	Nguyễn Thành Long, vợ Huỳnh Thị Ngọc Hương Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	118,70	20 - Đ8	17B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Nguyễn Thị Thơ, chồng Nguyễn Trung Thành Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		19-Đ6	11	12,0	64,00					64.00	1.500.000	0.8	76.800.000	76.800.000
7	Trần Thị Trung, chồng Võ Trí Nhân Tổ 30, KV4, P. Nhơn Bình		20 - Đ6	11	12.0	64.00					64.00	1.900.000	1.0	121.600.000	121.600.000
8	Dương Thị Dân, chồng Võ Sỹ Tiến Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	119.39	23 - Đ6	4	14.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
9	Võ Anh Tây, Nguyễn Thị Phương Dung Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	23,64	65-Đ5	11	12,0	72,00	23.64	250.000	1	5.910.000	48.36	1.500.000	1.0	72.540.000	78.450.000
10	Dương Văn Đức, vợ Hà Thị Lan Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	35,60	64-Đ5	11	14,0	72,00	35.60	250.000	1	8.900.000	36.40	1.700.000	1.0	61.880.000	70.780.000
11	Trần Hoàng Ngọc, vợ Phan Thị Ngọc Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	140.00	15- Đ6	2	19.5	80.00	80.00	300.000	1	24.000.000					24.000.000
	Trần Thị Hoàng Yến, chồng Nguyễn Thanh Hùng Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình		21-Đ6	11	12,0	64,00					64.00	1.500.000	0.8	76.800.000	76.800.000
12	Trần Hoàng Hải, vợ Võ Thị Hiển Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	36.93	4- Đ6	2	19.5	70.95	36.93	300.000	1	11.079.000	34.02	2.350.000	1.0	79.947.000	91.026.000
13	Nguyễn Thị Thanh Trúc Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	84,88	8- Đ6	2	19,5		78.65	300.000	1	23.595.000					23.595.000
14	Trần Hữu Phước , vợ Nguyễn Thị Oi Tổ 31, KV4, P. Nhơn Bình	81,53	9 - Đ6	2	19.5	79.50	79.50	300.000	1	23.850.000					23.850.000

Dul

Am

	Trần Thị Quê, chồng Nguyễn Văn Cư <i>Tổ 30, KV4, P.Nhon Bình</i>		63 - Đ5	11	14.0	72.00					72.00	1.700.000	0.8	97.920.000	97.920.000
15	Trần Thanh Hải, vợ Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ <i>Tổ 30, KV4, P.Nhon Bình</i>	37,27	5-Đ6	2	19,5	73,50	37.27	300.000	1	11.181.000	36.23	2.350.000	1.0	85.140.500	96.321.500
16	Trần Văn Chánh + Trần Ngọc Lệnh + Nguyễn Anh Kiệt (đại diện cho Tộc họ Trần) <i>Tổ 31, KV4, P. Nhon Bình</i>	140,00	31- Đ8	19B	13.0	80.00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
17	Nguyễn Thị Hồng Thủy, chồng Trần Văn Chánh <i>Tổ 31, KV4, P. Nhon Bình</i>	90,98	32-Đ8	19B	13,0	80,00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
	Trần Bảo Quốc, vợ Trịnh Thị Ngọc Bích <i>Tổ 31, KV4, P. Nhon Bình</i>		67-Đ5	11	12,0	72,0					72.00	1.500.000	0.8	86.400.000	86.400.000
18	Trần Thị Kiều Vi, chồng Nguyễn văn Sáo <i>Tổ 31, KV4, P. Nhon Bình</i>	59,38	33-Đ8	19b	13,0	80,00	59.38	250.000	1	14.845.000	20.62	1.650.000	1.0	34.023.000	48.868.000
19	Trần Xuân Trọng, vợ Trần Thị Tuyết Lai <i>Tổ 31, KV4, P. Nhon Bình</i>	88,93	10-Đ9	19B	13,0	80,00	80.00	250.000	1	20.000.000					20.000.000
III	cộng	1.544.98				1.718.60	1.151.47			303.485.000	567.13			887.400.500	1.190.885.500
IV	Tổng cộng (I) + (II) + (III)	3.970.95				4.370.85	2.751.56			732.078.500	1.619.29			2.391.645.500	3.123.724.000

Đu

Đu